

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HN-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v “yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hiền.

2. Ông Nguyễn Công Trung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thi Trúc Phương – kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Sô H, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2023, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/11/2023, chị Lê Thị Cẩm N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh L cưới nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 15/10/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc một thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị cũng có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không kết quả nên đã sống ly thân từ khoảng tháng 3/2023 đến nay. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh L và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên là Nguyễn Lâm Tuyết P, sinh ngày 04/10/2008 hiện đang sống với chị. Nay xin ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh L đều vắng mặt không gửi văn bản thể hiện ý kiến xin hàn gắn.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Cẩm N đối với anh Nguyễn Minh L. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử để cháu Nguyễn Lâm Tuyết P, sinh ngày 04/10/2008 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị Cẩm N vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Cẩm N và anh Nguyễn Minh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh L sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, làm cho vợ chồng sống không còn hạnh phúc nữa. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng vẫn không kết quả nên anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 3/2023 đến nay. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh L và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh L

biết được chị N xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không gửi văn bản thể hiện ý kiến hàn gắn đến Tòa án. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Lâm Tuyết P, sinh ngày 04/10/2008; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh L sống ly thân, cháu P vẫn do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, trong quá trình tố tụng và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N đều yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu P. Trong khi đó, anh L không có ý kiến yêu cầu nuôi cháu P. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 14/10/2023 của Tòa án, cháu P cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu P cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm N đối với anh Nguyễn Minh L.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm Tuyết P, sinh ngày 04/10/2008 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 14/10/2023 của Tòa án, cháu P có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Lê Thị Cẩm N có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006594 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Thị Cẩm N, anh Nguyễn Minh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ